

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG - NÔNG NGHIỆP

QUY ĐỊNH
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH/ NGHỀ: THÚ Y
MÃ NGÀNH/ NGHỀ: 6640101

Ngày ban hành:
Ngày cập nhật bổ sung: 11/12/2023

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 1237/QĐ-CĐCNN ngày 11 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình)

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH/NGHỀ: THÚ Y
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6640101

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành (mô tả nghề)

Thú y trình độ cao đẳng là ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp cho xã hội các sản phẩm an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề thú y có khả năng chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật về thú y; sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y; xây dựng, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi và thực hiện được các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực thú y.

Người học sau tốt nghiệp, có thể làm việc trong trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi giống gia súc gia cầm, thuốc thú y, sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh thuốc thú y, bệnh xá thú y, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về chăn nuôi - thú y; các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến thú y.

Khối lượng kiến thức đạt được: 2.220 giờ (tương đương 88 tín chỉ).

2. Yêu cầu chung của ngành/ngành

a) Yêu cầu về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức nền tảng cơ bản của ngành về: Giải phẫu sinh lý vật nuôi, kỹ thuật truyền giống, giống vật nuôi;

- Trình bày được kiến thức cơ bản về dược lý học, miễn dịch học, vi sinh vật thú y trong các hoạt động chuyên ngành;

- Trình bày được kiến thức về bệnh truyền nhiễm, nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và ký sinh trùng;

- Trình bày được kiến thức về dịch tễ học, vệ sinh thú y, kiểm nghiệm thú sản, các bệnh truyền lây và pháp luật về thú y;

- Trình bày được các nội dung cơ bản về thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

b) Yêu cầu về kỹ năng

- Xây dựng và đảm nhận được chương trình phát triển chăn nuôi, thực hiện tốt các kỹ năng nghề nghiệp: Nguyên tắc sử dụng các loại thuốc thú y; vi sinh vật và truyền nhiễm; chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh truyền nhiễm, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa, bệnh ngoại khoa; kỹ thuật thiên hoạn, mổ lấy thai... và kiểm soát, không chế bệnh tật ở cơ sở sản xuất, các trang trại chăn nuôi;

- Lập kế hoạch, chủ trì tổ chức tư vấn chuyên môn, huấn luyện, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi; tổ chức, điều hành phòng khám thú y và trang trại chăn nuôi;

- Tổ chức và triển khai được các ý tưởng nghiên cứu chuyên môn trong lĩnh vực thú y;

- Tổ chức quản lý điều hành một đơn vị sản xuất: Quản lý và điều hành các kỹ thuật sử dụng thuốc, vaccin trong phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi. Sử dụng các sản phẩm thú y để nâng cao tỷ lệ tiêu hóa, hấp thu, nâng cao năng suất sinh sản, khả năng đề kháng và tăng trọng ở vật nuôi.

- Quản lý kiểm soát giết mổ, kiểm tra các sản phẩm động vật theo quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng tránh bệnh truyền lây giữa người và động vật;

- Tự lập kế hoạch, tổ chức, sắp xếp và đánh giá kết quả công việc chuyên môn về thú y được giao;

- Thực hiện tốt các kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng, phi lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Thực hiện tốt và sử dụng được một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn thú y;

- Sử dụng thành thạo các loại vaccin, thuốc và hóa dược trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi;

- Đề xuất được các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả cho vật nuôi.

- Viết báo cáo khoa học, kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp;

- Lập kế hoạch, tổ chức điều hành, sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực thú y.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

3. Các năng lực của ngành/ngành

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ)
I	Năng lực cơ bản (chung)		
1	NLCB - 01	Chính trị	75 giờ, 4 tín chỉ
2	NLCB - 02	Pháp luật	30 giờ, 2 tín chỉ
3	NLCB - 03	Giáo dục thể chất	60 giờ, 2 tín chỉ
4	NLCB - 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75 giờ, 4 tín chỉ
5	NLCB - 05	Tin học	75 giờ, 3 tín chỉ
6	NLCB - 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120 giờ, 6 tín chỉ
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)		
7	NLCL - 01	Giải phẫu và sinh lý vật nuôi	90 giờ, 4 tín chỉ
8	NLCL - 02	Sinh hoá học động vật	60 giờ, 3 tín chỉ
9	NLCL - 03	Vi sinh vật thú y	60 giờ, 3 tín chỉ
10	NLCL - 04	Dược lý thú y	60 giờ, 3 tín chỉ
11	NLCL - 05	Giống vật nuôi	45 giờ, 2 tín chỉ
12	NLCL - 06	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	60 giờ, 3 tín chỉ
13	NLCL - 07	Vệ sinh thú y	45 giờ, 2 tín chỉ
14	NLCL - 08	Phương pháp thí nghiệm	45 giờ, 2 tín chỉ
15	NLCL - 09	Luật thú y	45 giờ, 2 tín chỉ
16	NLCL - 10	Miễn dịch học thú y	45 giờ, 2 tín chỉ
III	Năng lực nâng cao		
17	NLNC - 01	Kỹ thuật truyền giống	45 giờ, 2 tín chỉ
18	NLNC - 02	Chẩn đoán và điều trị học thú y	60 giờ, 3 tín chỉ
19	NLNC - 03	Phòng trị các bệnh chung cho nhiều loài	45 giờ, 2 tín chỉ
20	NLNC - 04	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	120 giờ, 5 tín chỉ
21	NLNC - 05	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt	120 giờ, 5 tín chỉ
22	NLNC - 06	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	120 giờ, 5 tín chỉ
23	NLNC - 07	Kiểm tra thịt và các súc sản phẩm khác	45 giờ, 2 tín chỉ
24	NLNC - 08	Thực tập cơ bản	225 giờ, 5 tín chỉ
25	NLNC - 09	Thực tập cuối khóa	360 giờ, 8 tín chỉ
26	NLNC - 10	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho cút, ngan, ngỗng	45 giờ, 2 tín chỉ
27	NLNC - 11	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, cừu, thỏ	45 giờ, 2 tín chỉ
28	NLNC - 12	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo	45 giờ, 2 tín chỉ
29	NLNC - 13	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho thú hoang dã	45 giờ, 2 tín chỉ

30	NLNC – 14	An toàn sinh học trong chăn nuôi	45 giờ, 2 tín chỉ
-----------	------------------	----------------------------------	-------------------

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ): 2.220 giờ, 88 tín chỉ.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG
NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH/NGHỀ: THÚ Y**

1. Tên năng lực: Giáo dục chính trị

Mã:NLCB-01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (75 giờ, 04 tín chỉ): (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)

1.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

1.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tên năng lực: Pháp luật

Mã:NLCB-02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ 30, 02 tín chỉ): (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

2.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

3. Tên năng lực: Giáo dục thể chất

Mã: NLCB-03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (60 giờ, 02 tín chỉ): (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

3.2. Yêu cầu kỹ năng:

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3.3. *Mức độ tự chủ và trách nhiệm*

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác

4. Tên năng lực: Giáo dục Quốc phòng - An ninh Mã: NLCB-04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (75 giờ, 04 tín chỉ): lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ

4.1. *Yêu cầu kiến thức:*

Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

4.2. *Yêu cầu kỹ năng:*

Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

4.3. *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

5. Tên năng lực: Tin học

Mã: NLCB-03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (75 giờ, 3 tín chỉ): 75 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

5.1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

5.2. Về kỹ năng

Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

5.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

6. Tên năng lực: Tiếng Anh

Mã: NLCB-06

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 120 giờ, 6 TC.

6.1. Yêu cầu kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

6.2. Yêu cầu kỹ năng

Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

6.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác

7. Tên năng lực: Giải phẫu và sinh lý vật nuôi Mã: NLCL - 01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 tín chỉ

7.1. Yêu cầu kiến thức:

Mô tả được giải phẫu và chức năng sinh lý của từng tổ chức, từng cơ quan, từng hệ thống trong cơ thể ở điều kiện sống bình thường (cơ thể và môi trường có mối quan hệ thống nhất)

7.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được vị trí, hình dạng, cấu tạo của các tổ chức, cơ quan và bộ máy trong cơ thể vật nuôi (trường hợp cơ thể vật nuôi hoàn toàn khỏe mạnh) để làm cơ sở phân biệt khi có quá trình bệnh lý xảy ra.

7.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện được tính tỉ mỉ, chính xác khi phân tích, so sánh cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể vật nuôi trường hợp khỏe mạnh và khi bị bệnh lý. Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tế chẩn nuôi và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

8. Tên năng lực: Sinh hoá học động vật

Mã: NLCL - 02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ

8.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được cấu tạo các hợp chất hữu cơ chính tạo nên cơ thể sinh vật; vai trò và quá trình vận động, biến đổi của các hợp chất này trong cơ thể vật nuôi.

8.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được tính chất lý hóa của một số hợp chất hữu cơ quan trọng trong cơ thể sinh vật, trong thức ăn, trong thuốc dùng.

8.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Chính xác, tỉ mỉ khi so sánh cấu tạo và chức năng của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong cơ thể vật nuôi trường hợp khỏe mạnh và khi bị bệnh lý.

9. Tên năng lực: Vi sinh vật thú y

Mã: NLCL - 03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ

9.1. Yêu cầu kiến thức:

Mô tả được các đặc tính sinh vật học, tính gây bệnh của mầm bệnh để áp dụng trong chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm.

9.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nuôi cấy, nhuộm mẫu, soi và nhận dạng được một số vi khuẩn, nấm gây bệnh cho vật nuôi.

9.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện được nuôi cấy, nhuộm mẫu, soi và nhận dạng được một số vi khuẩn, nấm gây bệnh cho vật nuôi. Cần thận trọng từng thao tác, nghiêm túc trong suốt quá trình thực hiện.

10. Tên năng lực: Dược lý thú y

Mã: NLCL - 04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ

10.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được cơ chế tác dụng, chỉ định của thuốc thú y.

10.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được các đường đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi; Lựa chọn được thuốc thú y phòng bệnh, điều trị bệnh hiệu quả.

10.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, an toàn cho người và vật nuôi.

11. Tên năng lực: Giống vật nuôi

Mã: NLCL - 05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

11.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được cách chọn giống, chọn phối, nhân giống vật nuôi

11.2. Yêu cầu kỹ năng:

Đánh giá và điều khiển được sự phát triển của vật nuôi; Chọn lọc và phối hợp được các giống trong lai tạo để có được con giống tốt phù hợp với từng điều kiện chăn nuôi cụ thể.

11.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi chọn giống và cách phối giống để đạt hiệu quả cao.

12. Tên năng lực:

Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Mã: NLCL - 06

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ

12.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được nội dung về vai trò, tác dụng của các chất dinh dưỡng, nước và các loại thức ăn chăn nuôi; các loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi; protein thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi; thức ăn bổ sung và thức ăn hỗn hợp; chế biến thức ăn cho vật nuôi; lập khẩu phần thức ăn.

12.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân tích được vai trò sinh học các dưỡng chất có trong thức ăn; Nhận biết được các giá trị dinh dưỡng của các loại thực liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm; Xác định được giá trị protein có trong thức ăn; Thực hiện được việc chế biến, phối trộn thức ăn cho các loại gia súc, gia cầm; Thực hiện được lập khẩu phần thức ăn cho gia súc, gia cầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

12.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện được phân tích vai trò sinh học các dưỡng chất có trong thức ăn, nhận biết các giá trị dinh dưỡng của các loại thực liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm; Thực hiện việc chế biến, phối trộn thức ăn cho các loại gia súc, gia cầm; Thực hiện lập khẩu phần thức ăn cho gia súc, gia cầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Có ý thức tự học, hăng say xây dựng bài, nâng cao tinh thần hoạt động nhóm.

13. Tên năng lực: Vệ sinh thú y

Mã: NLCL - 07

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

13.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các nội dung về vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn, vệ sinh đối với từng loại động vật, vệ sinh thân thể, vệ sinh chăn thả và vệ sinh khi vận chuyển vật nuôi, vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch cho vật nuôi.

13.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện các phương pháp vệ sinh cho vật nuôi.

13.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, an toàn cho người và vật nuôi, bảo đảm vệ sinh môi trường.

14. Tên năng lực: Phương pháp thí nghiệm

Mã: NLCL - 08

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

14.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết cách bố trí thí nghiệm và ý nghĩa của kết quả thí nghiệm

14.2. Yêu cầu kỹ năng:

Bố trí được thí nghiệm trong việc nghiên cứu một vấn đề nào đó; Thu thập số liệu, phân tích và viết báo cáo kết quả đạt được.

14.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, chính xác trong việc thu thập và xử lý số liệu.

15. Tên năng lực: Luật thú y

Mã: NLCL - 09

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

15.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các quy định của Nhà nước về: Phòng chống dịch bệnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc (sản xuất, kinh doanh).

15.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng kiến thức pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao trong hoạt động thú y.

15.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Xác định nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp; Nghiêm túc, tích cực trong học tập. Hăng hái phát biểu, thảo luận trong các tình huống về vận dụng kiến thức pháp luật hiện hành để xử lý các vi phạm lĩnh vực Thú y.

16. Tên năng lực: Miễn dịch học thú y

Mã: NLCL - 10

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

16.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được khái niệm và cách phân loại miễn dịch; định nghĩa, đặc tính của kháng nguyên và kháng thể; miễn dịch bệnh lý, quá mẫn, tự miễn dịch, suy giảm miễn dịch, dung thứ miễn dịch; Nêu được vai trò của bộ máy miễn dịch trong khả năng phòng vệ của cơ thể vật nuôi; Giải thích được sự đáp ứng miễn dịch của cơ thể động vật trước những kích thích của kháng nguyên (Ag); cách thức cơ thể tạo ra đáp ứng miễn dịch; Giải thích được hiện tượng dung thứ miễn dịch và suy giảm miễn dịch.

16.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu; các trường hợp bệnh lý miễn dịch ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi; Thực hiện được việc phân lô thí nghiệm và tiêm truyền, theo dõi, đánh giá hiệu giá kháng thể.

16.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Cẩn thận trong từng thao tác, nghiêm túc trong suốt quá trình thực hiện.

17. Tên năng lực: Kỹ thuật truyền giống

Mã: NLNC - 01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

17.1. Yêu cầu kiến thức:

Mô tả được tính chất sinh lý của tinh dịch, tinh trùng; Giới thiệu được kỹ thuật huấn luyện, khai thác, pha loãng và bảo quản tinh gia súc, gia cầm.

17.2. Yêu cầu kỹ năng:

Khai thác được tinh dịch gia súc, gia cầm bằng tay và âm đạo giả đúng yêu cầu kỹ thuật; Pha loãng, bảo quản tinh dịch đảm bảo được tỷ lệ sống và khả năng thụ tinh nhân tạo; Thực hiện kỹ thuật và thụ tinh nhân tạo đạt được tỉ lệ thụ thai cao.

17.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Cẩn thận trong việc bảo quản và thụ tinh, đảm bảo an toàn vệ sinh.

18. Tên năng lực: Chẩn đoán và điều trị học thú y Mã: NLNC - 02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ

18.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và trình tự chẩn đoán và điều trị học thú y.

18.2. Yêu cầu kỹ năng:

Khám, chẩn đoán và điều trị được bệnh học thú y.

18.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, mạnh dạn và chính xác, an toàn khi chẩn đoán và điều trị bệnh.

19. Tên năng lực:

Phòng trị các bệnh chung cho nhiều loài Mã: NLNC - 03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

19.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có thể lây truyền cho người.

19.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chẩn đoán được các bệnh chung thường xảy ra cho vật nuôi và cả người; Đề ra và thực hiện được biện pháp hữu hiệu để dập tắt bệnh.

19.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng khi can thiệp các bệnh nguy hiểm.

20. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn

Mã: NLNC - 04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 5 tín chỉ

20.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được đặc điểm sinh học của một số giống lợn đang nuôi phổ biến ở nước ta; Trình bày được quy trình chăm sóc nuôi dưỡng các giống lợn; Nêu được nguyên nhân, triệu chứng và phương pháp phòng trị bệnh cho lợn.

20.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn được lợn nuôi thịt và chọn được lợn nuôi làm giống phù hợp với mục đích chăn nuôi; Nhận biết được đặc điểm sinh học của một số giống lợn đang được nuôi phổ biến ở nước ta; Xác định được nguyên nhân gây bệnh và chẩn đoán được một số bệnh thường xảy ra cho lợn; Nuôi dưỡng, chăm sóc và trị bệnh cho lợn đạt hiệu quả.

20.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong việc nuôi dưỡng, phòng và trị bệnh cho lợn.

21. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt

Mã: NLNC - 05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 5 tín chỉ

21.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các kiến thức về loại hình nuôi; chuồng trại; dinh dưỡng và thức ăn; chăm sóc nuôi dưỡng; phòng và trị bệnh cho gà, vịt.

21.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn loại hình nuôi; xây dựng chuồng trại; chăm sóc nuôi dưỡng; phòng và trị bệnh cho gà vịt.

21.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng hình thành tác phong công nghiệp.

22. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò

Mã: NLNC - 06

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 5 tín chỉ

22.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương pháp và quy trình chăn nuôi các loại trâu, bò và biện pháp phòng trị dịch bệnh thường gặp.

22.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được công việc chọn con giống trâu, bò phù hợp với điều kiện chăn nuôi; Thiết kế, xây dựng một trang trại chăn nuôi trâu, bò qui mô nhỏ đạt yêu cầu kỹ thuật; Thực hiện được các biện pháp trồng, bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi trâu, bò; Thực hiện được quy trình chăn nuôi các loại trâu, bò theo hướng sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích và các biện pháp để chẩn đoán các bệnh thường gặp trên trâu, bò. Phòng, trị được dịch bệnh thường gặp trên trâu, bò nuôi.

22.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc và bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người và vật nuôi.

23. Tên năng lực: Kiểm tra thịt và các sản phẩm khác

Mã: NLNC - 07

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

23.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được vị trí và điều kiện thích hợp để xây dựng một lò mổ. Nêu được quy trình giết mổ gia súc. Trình bày được cách kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra lâm sàng đối với gia súc trước khi đưa vào giết mổ. Trình bày được cách kiểm tra thịt gia súc sau giết mổ; cách trình bày thịt để khám. Nêu được quy định vị trí đóng dấu trên thân thịt. Trình bày được các giai đoạn chuyển biến của thịt sau giết mổ. Nêu được các biện pháp bảo quản thịt. Trình bày được nguyên nhân và cách

xử lý các trường hợp thịt không đạt vệ sinh thú y. Trình bày được đặc tính và thành phần hóa học của sữa, cấu tạo và thành phần hóa học của trứng; cách phân loại trứng; phương pháp bảo quản và kiểm nghiệm trứng.

23.2. Yêu cầu kỹ năng:

Kiểm tra được giấy chứng nhận kiểm dịch và kiểm tra lâm sàng đối với gia súc trước khi đưa vào giết mổ. Nhận biết được các giai đoạn chuyển biến của thịt sau giết mổ. Bảo quản được thịt bằng các phương pháp. Phân biệt được thịt gia súc bình thường với gia súc bệnh; Xử lý được những trường hợp thịt, phủ tạng không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thực phẩm. Kiểm nghiệm được sữa, trứng, đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh thú y.

23.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, an toàn, vệ sinh. Tuân thủ đúng Luật Thú y trong việc đánh giá, phân loại phẩm chất của thân thịt, phủ tạng.

24. Tên năng lực: Thực tập cơ bản

Mã: NLNC - 08

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 225 giờ, 5 tín chỉ

24.1. Yêu cầu kiến thức:

Hiểu rõ cách phân tích dữ liệu dịch tễ để biết được tình hình dịch bệnh tại đại phương. Trình bày tốt cách tiêm phòng và chẩn đoán, điều trị các bệnh gia súc, gia cầm. Hiểu rõ về cách chăm sóc, nuôi dưỡng, và một số kỹ thuật khác tại trại chăm nuôi. Tổng hợp lại các kiến thức, kinh nghiệm có được trong chuyến đi thực tế.

24.2. Yêu cầu kỹ năng:

Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong thời gian thực tập; Phân tích được tình hình dịch bệnh tại đại phương. Thành thạo thao tác tiêm phòng và điều trị bệnh trên gia súc, gia cầm. Ứng dụng kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gia súc, gia cầm vào thực tiễn. Trình bày, phân tích, tổng hợp những dữ liệu, kiến thức đã trải nghiệm; Viết báo cáo.

24.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tự tin, có trách nhiệm với công việc, có khả năng tự học, có khả năng phân tích.

25. Tên năng lực: Thực tập cuối khóa

Mã: NLNC - 09

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 360 giờ, 8 tín chỉ

25.1. Yêu cầu kiến thức:

Thu thập thông tin và đánh giá được tình hình chăn nuôi tại địa phương, cơ quan đơn vị thực tập. Áp dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi thú y mang lại hiệu quả kinh tế nhất định.

25.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được công việc phòng trị dịch bệnh thông thường trên đàn gia súc, gia cầm một cách độc lập. Thực hiện được một thí nghiệm hay một chuyên đề khảo sát về lĩnh vực thú y tại địa phương hoặc đơn vị sản xuất, kinh doanh.

25.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự lập, thực hiện được công việc phòng trị dịch bệnh gia súc, gia cầm một cách độc lập.

26. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho cút, ngan, ngỗng

Mã: NLNC - 10

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

26.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được đặc điểm sinh học; chuồng trại; dinh dưỡng và thức ăn; chăm sóc nuôi dưỡng; phòng và trị bệnh cho cút; ngan; ngỗng.

26.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thiết kế và xây dựng được chuồng trại nuôi cút, ngan, ngỗng; Chăm sóc nuôi dưỡng, phòng và trị được bệnh cho cút, ngan, ngỗng.

26.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng hình thành tác phong công nghiệp.

27. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, cừu, thỏ

Mã: NLNC - 11

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

27.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về quy trình chăn nuôi các loại dê, cừu, thỏ và các biện pháp phòng, trị dịch bệnh thường gặp ở dê, cừu, thỏ.

27.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được công việc chọn được con giống phù hợp với điều kiện chăn nuôi; Thiết kế, xây dựng được một trang trại chăn nuôi dê, cừu, thỏ đạt yêu cầu kỹ thuật; Thực hiện được các biện pháp trồng, bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi dê cừu, thỏ; Quy trình chăn nuôi để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất đồng thời phù hợp với điều kiện chăn nuôi ở nước ta. Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích và các biện pháp chẩn đoán các bệnh thường gặp trên dê, cừu, thỏ. Thực hiện được công việc phòng, trị bệnh thường gặp trên dê, cừu, thỏ.

27.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc và bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi.

28. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo

Mã: NLNC - 12

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

28.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng các loại chó, mèo; Phương pháp phòng, trị một số bệnh xảy ra ở chó mèo.

28.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn giống chó, mèo nuôi phù hợp, hiệu quả. Xác định được nhu cầu dinh dưỡng của từng loại chó mèo nuôi. Lựa chọn, chế biến thức ăn nuôi chó mèo phù hợp, hiệu quả. Áp dụng tốt quy trình chăm sóc nuôi dưỡng cho chó, mèo nuôi phù hợp; Lựa chọn được chuồng nuôi phù hợp từng loại chó mèo nuôi. Chẩn đoán, phân biệt chính xác bệnh truyền nhiễm ở chó, mèo; Phòng bệnh, điều trị bệnh hiệu quả.

28.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc và bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi.

29. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho thú hoang dã

Mã: NLNC - 13

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

29.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được đặc điểm sinh học của một số động vật hoang dã. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phương pháp phòng trị bệnh cho một số động vật hoang dã.

29.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn được các động vật hoang dã phù hợp để nuôi tại hộ gia đình ở qui mô vừa hoặc nhỏ. Nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh được cho động vật hoang dã tại các hộ gia đình.

29.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng với động vật hoang, đảm bảo vệ sinh môi trường.

30. Tên năng lực: An toàn sinh học trong chăn nuôi Mã: NLNC - 14

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

30.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các biện pháp về an toàn sinh học trong chăn nuôi.

30.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được các biện pháp hạn chế sự xâm nhập của mầm bệnh vào cơ thể vật nuôi và các biện pháp giúp vật nuôi đề kháng tốt hơn đối với mầm bệnh.

30.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc và bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người và vật nuôi.